

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 14-4-2021

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Diệu Tuyết Trinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đô.
2. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Th B, xã Th N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Văn L – Luật sư công ty Luật TNHH MTV Bình Thuận thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Th A, xã Th N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Lê Văn L; Vắng mặt ông Nguyễn Minh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc L là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Ngọc L ở thôn Th B, xã Th N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Ông Nguyễn Minh T là thợ xây mỗ mả ở khu vực nghĩa trang xã Th N, thành phố Phan Thiết. Ông T thường mua vật liệu xây dựng ở cửa hàng của bà L. Tháng 4/2019, ông T có mua vật liệu xây dựng của cửa hàng bà L để làm mỗ mả và nợ của bà L số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), cam kết trả dứt điểm nợ trong năm 2019. Sau đó ông T có trả cho bà L được tổng cộng 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) vào các ngày 16/7/2019, ngày 24/7/2019 và ngày 25/8/2019. Số tiền còn lại ông T chưa trả cho bà L là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*). Thời gian qua bà L đã nhiều lần yêu cầu ông T trả hết số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) nhưng ông T cứ hứa hẹn và cố tình không trả nên bà L có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Th N giải quyết. Tại buổi làm việc ngày 23/4/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Th N, ông Nguyễn Minh T thừa nhận còn nợ bà L số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) và hứa sẽ trả hàng tháng số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên sau đó ông T không thực hiện việc trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) là tiền ông T còn nợ do mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của bà L. Bà L cung cấp cho Tòa án 01 “Đơn xin cam kết trả nợ” không ghi ngày tháng năm, đơn được đánh máy trên giấy A4, đồng thời khẳng định chữ ký và ghi họ tên Lê Minh T (do ký nhầm họ và sửa lại thành Nguyễn Minh T) tại cuối “Đơn xin cam kết trả nợ” là chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Minh T; 01 biên bản làm việc ngày 23/4/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Th N.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Minh T phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Nguyễn Minh T cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó Tòa án không thực hiện được việc lấy lời khai của bị đơn ông Nguyễn Minh T. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 171/TB-TLVA ngày 07/10/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 171/TB-TA ngày 23/12/2020 (lần thứ nhất); Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 172/TB-TA ngày 02/02/2021 (lần thứ hai); Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 45/TB-TA ngày 25 /02/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-DS ngày 12/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết với đại diện Công an xã Th N và Ủy ban nhân dân xã Th N, thành phố Phan Thiết xác định: Ông Nguyễn Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú, sinh sống tại thôn Th A, xã Th N, thành phố Phan Thiết, họ tên đầy đủ là Nguyễn Minh T.

Tòa án đã mở phiên hòa giải vào ngày 11/01/2021 và ngày 22/02/2021 để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Minh T không có mặt tại phiên hòa giải nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền nợ là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền còn nợ do mua vật liệu xây dựng, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi lại tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn Th A, xã Th N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ án này.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Nguyễn Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Tòa án thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Minh T.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) là tiền ông T còn nợ do mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của nguyên đơn.

Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Đơn xin cam kết trả nợ” không ghi ngày tháng năm, đơn được đánh máy trên giấy A4, thể hiện nội dung “ *Tôi tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1978 là thợ làm xây dựng mộ khu vực nghĩa trang Th N. Nay tôi làm đơn này xin chịu trách nhiệm về việc thanh toán số tiền mua vật liệu nợ để xây dựng mộ như sau: Nguyên từ tháng 4 (dương lịch) năm 2019 tôi có xây dựng một số mộ trong khu vực nghĩa trang Th N với số tiền mua vật liệu nợ của bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1974, chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Ngọc L số tiền 180.000.000 đồng, hiện nay tôi chưa trả số tiền nợ cho bà Nguyễn Thị Ngọc L. Tôi xin cam đoan số tiền nợ 180.000.000 đồng này tôi có trách nhiệm thanh toán dứt điểm trong năm 2019. Nếu sai lời tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về khoản nợ trên*”. Dưới mục “Người viết đơn cam kết trả nợ” có chữ ký và ghi họ tên Lê Minh T (do ký nhầm họ có sửa lại thành Nguyễn Minh T).

Nguyên đơn trình bày: Tháng 4/2019, ông T có mua vật liệu xây dựng của cửa hàng bà L để làm mồ mả và nợ của bà L số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), cam kết trả dứt điểm nợ trong năm 2019. Sau đó ông T có trả cho bà L được tổng cộng 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) vào các ngày 16/7/2019, ngày 24/7/2019 và ngày 25/8/2019. Số tiền còn lại ông T chưa trả cho bà L là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Tại biên bản làm việc ngày 23/4/2020 tại hội trường Ủy ban nhân dân xã Th N, ông Nguyễn Minh T cũng thừa nhận có nợ bà L số tiền mua vật liệu xây dựng là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*), số tiền này ông T xin chịu trách nhiệm trả cho bà L định kỳ mỗi tháng là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Như vậy, từ những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cho thấy việc bị đơn còn nợ số tiền mua vật liệu xây dựng của nguyên đơn 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) là có thật. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, đồng thời nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 351, Điều 357, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **2. Về án phí:**

- Buộc ông Nguyễn Minh T phải nộp 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007924 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/4/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Diệu Tuyết Trinh**







***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Diệu Tuyết Trinh**



**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thành**



